

Bản án số: 126/2022/DS-PT
Ngày: 29-6-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2022/QĐXXPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H; cư trú tại: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1964; cư trú tại: Số nhà 174 Đào Duy T, khu vực Bắc Phương D, phường Đập Đ, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị L; cư trú tại: Số nhà 51 Nguyễn Thị Minh K, tổ 9, phường A, thị xã A, tỉnh G; có mặt.

2. Bà Phạm Thị T; có mặt.

3. Ông Huỳnh Văn Th; có mặt.

Cùng cư trú tại: Số nhà 176 Đào Duy T, khu vực Bắc P, phường Đ, thị xã A, tỉnh B.

4. Vợ chồng anh Phạm Đức D và chị Phan Thị Thu H; cùng cư trú tại: Số nhà 174 Đào Duy T, khu vực Bắc Phương D, phường Đ, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

5. Anh Nguyễn Thế Q; cư trú tại: Số nhà 176 Đào Duy T, khu vực Bắc Phương D, phường Đ, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Phạm C (sinh năm 1924, chết năm 2010) và cụ Lương Thị B (sinh năm 1933, chết năm 2017). Cha mẹ bà có tất cả 06 người con là: Bà (Phạm Thị H), ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T (sinh năm 1963, chết năm 1983) không có vợ con, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị T và ông Phạm Văn C (sinh năm 1974, chết năm 1984) không có vợ con. Cha mẹ bà không có con nuôi, con riêng và ông bà nội, ông bà ngoại chết trước cha mẹ. Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu vực Bắc Phương D, phường Đ, thị xã A là do cha mẹ bà tạo lập. Năm 1969, cha mẹ xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói gồm 4 gian, đến năm 1988 cha mẹ xây dựng thêm tại thửa đất này 01 ngôi nhà cấp 4 quay hướng Đông (phía ngoài của ngôi nhà xây dựng năm 1969), cha mẹ ở với em gái Phạm Thị T, Phạm Thị L và con trai bà là Nguyễn Thế Q tại ngôi nhà này, còn ngôi nhà xây dựng năm 1969 thì vợ chồng ông C ở. Cha mẹ ở tại ngôi nhà xây dựng năm 1988 cho đến khi qua đời thì em gái bà Phạm Thị T và con trai bà tiếp tục ở. Đến năm 2021 thì vợ chồng em gái là bà Phạm Thị T cùng chồng là Huỳnh Văn Th, xây dựng trên thửa đất này 01 ngôi nhà cấp 4 liền kề với ngôi nhà xây dựng năm 1988, còn ngôi nhà do cha mẹ xây dựng năm 1988 thì con trai bà là Nguyễn Thế Q ở nhang khói cho cha mẹ bà cho đến nay. Ngôi nhà cha mẹ xây dựng năm 1969 do vợ chồng ông C ở, đến năm 2020 vợ chồng ông C đã đập bỏ 2 gian nhà phụ xây dựng thêm 02 phòng, bếp và công trình phụ, còn gian nhà chính vẫn giữ nguyên. Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 có diện tích 606m² (trong đó 200m² đất ở và 406m² đất vườn) đang tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện A (nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994 đứng tên chủ sử dụng là cụ Phạm C. Cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, yêu cầu được nhận phần đất có ngôi nhà xây dựng năm 1988 do Nguyễn Thế Q đang ở và nếu phần đất nhận nhiều hơn thì sẽ thôi lại giá trị đất chênh lệch cho người thừa kế khác. Bà không tranh chấp giá trị 2 ngôi nhà, nếu giao phần đất cho ai mà có ngôi nhà thì người đó được hưởng ngôi nhà của cha mẹ, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Ông thống nhất về mối quan hệ gia đình theo lời bà H đã trình bày. Ông nội tên Phạm Q, bà nội tên Nguyễn Thị L, ông bà nội và ông bà ngoại chết trước cha mẹ, chết năm nào ông không nhớ. Phần nhà, đất hiện vợ chồng ông đang ở là của

ông bà nội là cụ Phạm Q và cụ Nguyễn Thị L chết để lại cho cha mẹ, còn phần đất còn lại là do cha mẹ mua. Đến năm 1984, cha mẹ giao cho vợ chồng ông ở tại ngôi nhà này, chỉ nói miệng chứ không viết giấy tờ, còn cha mẹ xây dựng thêm 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói trên phần đất ở hướng Đông (phía trước ngôi nhà vợ chồng ông ở). Cha mẹ ông ở tại ngôi nhà mới xây cùng với em gái Phạm Thị T, Phạm Thị L và cháu Nguyễn Thế Q (con bà H). Đến năm 2021, em gái Phạm Thị T xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 liền kề với ngôi nhà của cha mẹ ông, còn ngôi nhà của cha mẹ thì do cháu Q ở. Ngoài ra trên thửa đất của cha mẹ thì vào năm 1985 vợ chồng ông có xây dựng 01 chuồng bò.

Trong quá trình ở tại ngôi nhà do cha mẹ giao cho vợ chồng ông thì vợ chồng ông 03 lần sửa nhà cụ thể: Năm 1985 do phòng thờ bị chật nên vợ chồng ông sửa lại thêm phòng thờ cho rộng và phả nền. Năm 2004 vợ chồng ông xây thêm 02 phòng ở, phả nền, xây nhà bếp, xây công trình phụ và lợp tôn toàn bộ. Năm 2020 do tôn bị hư nên vợ chồng ông dỡ bỏ tôn và thay lại toàn bộ ngói, lát gạch men và làm mái hiên bên hông nhà. Quá trình sửa chữa vợ chồng con trai là Phạm Đức D và Phan Thị Thu H có đóng góp tiền sửa chữa, ông không nhớ rõ số tiền. Thửa đất của cha mẹ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha ông là cụ Phạm C, cha mẹ chết không để lại di chúc, lúc còn sống cha mẹ không làm thủ tục tặng cho ai nhà đất trên.

Ông thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của bà H, yêu cầu nhận nhà đất hiện vợ chồng ông đang ở và yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đường đi từ trước ra sau như hiện nay do ngôi nhà vợ chồng ông ở phía sau ngôi nhà của cha mẹ xây dựng năm 1988, nếu giao phần đất có chuồng bò cho người khác thì ông yêu cầu thối lại giá trị chuồng bò cho ông, phần đất nếu ông nhận nhiều hơn so với kỷ phần ông được chia thì ông sẽ thanh toán giá trị cho người khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Cha chồng tên Phạm Có, mẹ chồng tên Lương Thị Bông, cha mẹ chồng chết năm nào không nhớ, cha mẹ chồng có tất cả là 06 người con là: Bà Phạm Thị H, chồng bà (Phạm Văn C), Phạm Văn T (chết năm nào không nhớ không có vợ con), bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị T và Phạm Văn C chết nhỏ năm nào không nhớ; ông bà nội chồng và ông bà ngoại chồng chết trước cha mẹ chồng.

Bà và ông C cưới nhau cách đây khoảng 40 năm, sau khi cưới thì vợ chồng cùng chung sống với cha mẹ chồng và 05 người chị em chồng tại nhà đất trên. Bà nghe cha mẹ chồng nói nhà đất này là của ông bà cố chồng chết để lại cho ông bà nội chồng rồi ông bà nội chồng để lại cho cha mẹ chồng là cụ Phạm C và cụ Lương Thị B. Vợ chồng bà chung sống với cha mẹ chồng đến khi bà sinh con thứ 3 thì nhà chật chội nên vợ chồng bà xin ra cát nhà ở riêng thì cha mẹ chồng mới giao ngôi nhà này cho vợ chồng bà ở, cha mẹ chồng chỉ nói miệng không có viết giấy tờ, còn cha mẹ chồng ra mảnh đất ở phía trước xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, cha mẹ chồng ở với 02 người em chồng là bà L, bà T và cháu Q (con của bà H). Sau khi cha mẹ chồng chết thì bà T và cháu Q tiếp tục ở. Đến năm 2020, bà T ra phần đất bên cạnh xây dựng 01 ngôi nhà ở, còn ngôi nhà của cha mẹ thì do cháu Q đang ở. Ngoài nhà đất trên thì cha mẹ chồng không còn có nhà đất nào khác.

Quá trình vợ chồng bà ở ngôi nhà của cha mẹ chồng có sửa chữa 04 lần (các lần trước bà không nhớ năm nhưng lần sau cùng là sửa vào năm 2020), cụ thể: Xây thêm 02 phòng, xây công trình phụ (nhà tắm, nhà vệ sinh) ốp gạch men, thay tôn và làm mái hiên bên hông, ngoài ra vợ chồng bà còn xây dựng 01 chuồng bò thời gian đã lâu bà không nhớ năm nào. Cha mẹ chồng chết không để lại di chúc và cũng không cho ai nhà đất trên, bà thống nhất theo ý kiến của chồng là ông Phạm Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày:

Bà thống nhất về mối quan hệ gia đình như bà H đã trình bày. Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 tại khu vực Bắc Phương D, phường Đập Đ, thị xã A là do cha mẹ là cụ Phạm C, cụ Lương Thị B tạo lập. Năm 1969, cha mẹ xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói gồm 4 gian, cha mẹ, các chị em bà và vợ chồng ông Công ở tại nhà đất trên. Đến năm 1988 thì cha mẹ xây dựng thêm 01 ngôi nhà cấp 4 quay hướng Đông (phía ngoài của ngôi nhà xây dựng năm 1969), bà ở với cha mẹ, em gái Phạm Thị T và cháu Nguyễn Thế Q (con bà Hồng) tại ngôi nhà này. Đến năm 2021, vợ chồng em gái là bà Phạm Thị T, ông Huỳnh Văn Th xây dựng trên thửa đất này 01 ngôi nhà cấp 4 liền kề với ngôi nhà xây dựng năm 1988, còn ngôi nhà do cha mẹ xây dựng năm 1988 thì hiện cháu Nguyễn Thế Q đang ở lo nhang khói cho cha mẹ. Còn ngôi nhà do cha mẹ xây dựng năm 1969 thì đến năm 2020 vợ chồng ông C đã đập bỏ 02 gian nhà phụ xây dựng thêm 02 phòng, bếp và công trình phụ còn gian nhà chính vẫn giữ nguyên. Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 có diện tích 606m² (trong đó 200m² đất ở và 406m² đất vườn) đã được UBND huyện A giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình đứng tên cha Phạm C vào năm 1994 có 04 nhân khẩu gồm: Cha Phạm C, mẹ Lương Thị B, bà (Phạm Thị T), em gái Phạm Thị L. Cha mẹ chết không để lại di chúc, lúc còn sống cha mẹ cũng chưa cho ai nhà đất trên.

Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình, bà yêu cầu được nhận giá trị. Bà không tranh chấp ngôi nhà xây dựng năm 1969 do ông C đang ở và ngôi nhà xây dựng năm 1988 do cháu Q đang ở, nếu giao phần đất có ngôi nhà cho ai thì người đó được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày:

Bà thống nhất về mối quan hệ gia đình như các anh chị đã trình bày. Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 tại khu vực Bắc Phương D, phường Đập Đ, thị xã A là do cha mẹ cụ Phạm C, cụ Lương Thị B tạo lập. Năm 1969 cha mẹ xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói gồm 4 gian, cha mẹ ở tại nhà đất trên cùng với chị em bà và vợ chồng ông Công. Đến năm 1988, cha mẹ xây dựng thêm 01 ngôi nhà cấp 4 quay hướng Đông; lúc này bà, bà L và cháu Q (con của bà H) ở với cha mẹ tại ngôi nhà này, còn ngôi nhà xây dựng năm 1969 thì vợ chồng ông Công ở. Cha mẹ ở tại ngôi nhà xây dựng năm 1988 cho đến khi qua đời thì vợ chồng bà và cháu Nguyễn Thế Q tiếp tục ở. Đến năm 2021, vợ chồng bà (chồng bà là Huỳnh Văn Th) xây dựng tại thửa đất này 01 ngôi nhà cấp 4 liền kề với ngôi nhà xây dựng năm 1988, còn ngôi nhà xây dựng năm 1988 thì do cháu Nguyễn Thế Q tiếp tục ở nhang khói cho cha mẹ. Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 có diện tích 606m² (trong đó 200m² đất ở và 406m² đất vườn) đã được UBND huyện A giao quyền sử dụng đất cho hộ gia

đình đứng tên cha Phạm C vào năm 1994 có 04 nhân khẩu gồm: Cha Phạm C, mẹ Lương Thị B, bà (Phạm Thị T) và bà Phạm Thị L. Cha mẹ chết không để lại di chúc, lúc còn sống cha mẹ cũng chưa cho ai nhà đất trên. Nay bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình, bà yêu cầu được nhận phần đất có ngôi nhà mà vợ chồng bà xây dựng, nếu phần đất bà nhận có ngôi nhà mà ít hơn so với phần đất bà được hưởng thì yêu cầu nhận thêm giá trị. Bà không tranh chấp ngôi nhà xây dựng năm 1969 do ông C đang ở và ngôi nhà xây dựng năm 1988 do Q đang ở, bà thống nhất nếu giao phần đất có ngôi nhà cho ai thì người đó được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Thành trình bày:

Ông và bà Phạm Thị T chung sống với nhau tại thửa đất đang tranh chấp từ năm 2011 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp thì ông nghe nói của cha mẹ vợ là cụ Phạm Có và cụ Lương Thị B. Thời điểm ông về chung sống với bà T thì vợ chồng chung sống tại ngôi nhà của cha mẹ vợ (ngôi nhà hiện nay cháu Q đang ở), khi đó cụ Lương Thị B còn sống, ông không có đóng góp sửa chữa gì đối với ngôi nhà này. Năm 2020, vợ chồng ông bỏ tiền xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất đang tranh chấp liền kề với ngôi nhà của cha mẹ vợ hiện cháu Q đang ở, chi phí xây dựng nhà khoảng 300 triệu đồng. Hiện tại vợ chồng ông không có chỗ ở nào khác nên ông thống nhất theo yêu cầu của bà T, nếu không giao phần đất có ngôi nhà của vợ chồng cho vợ ông mà giao cho người khác thì ông yêu cầu ai nhận nhà đất phải thanh toán lại giá trị ngôi nhà cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đức D trình bày:

Anh thống nhất về mối quan hệ gia đình như cha và các cô đã trình bày, từ nhỏ đến lớn anh ở với cha mẹ tại nhà đất hiện đang tranh chấp. Năm 2014, ông kết hôn với chị Phan Thị Thu H và về ở chung với cha mẹ tại nhà đất trên. Đến năm 2020, khi cha mẹ sửa nhà thì vợ chồng anh có đóng góp cho cha mẹ số 70.000.000đ để sửa nhà. Nay bà H kiện chia di sản thừa kế của ông bà nội thì anh thống nhất theo ý kiến của ba anh (Phạm Văn C), anh chỉ mong các cô cứ giữ nguyên đường luôn vào nhà ba anh để xe đi ra vào được thuận lợi. Nếu vẫn giao nhà đất mà ba mẹ anh đang ở cho ba anh thì anh không có ý kiến gì đối với số tiền vợ chồng anh đóng góp sửa nhà, nếu không giao nhà đất cho ba anh, thì anh yêu cầu ai nhận nhà phải trả lại cho vợ chồng anh số tiền đã đóng góp sửa nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Thu H trình bày:

Năm 2014, chị kết hôn với anh Phạm Đức D và về ở chung với cha mẹ chồng (ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị T) tại nhà đất đang tranh chấp, bà không biết nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp. Năm 2020, khi cha mẹ chồng sửa nhà thì vợ chồng chị có đóng góp vào số tiền 70.000.000đ để sửa nhà và vợ chồng chị làm thêm 02 hầm rút, mái hiên thêm 30.000.000đ. Nay cô H kiện chia di sản thừa kế nhà đất của ông bà nội chồng, thì đối với số tiền vợ chồng chị đã góp sửa nhà và làm mái hiên, hầm rút thì bà thống nhất theo ý kiến của anh D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế Q trình bày:

Anh thống nhất về mối quan hệ gia đình như mẹ anh là bà Phạm Thị H và các dì, cậu đã trình bày. Nguồn gốc thửa đất hiện mẹ anh tranh chấp chia di sản thừa kế là của ông bà ngoại là cụ Phạm C và cụ Lương Thị B. Ngôi nhà số 176 Đào Duy T, khu vực Bắc Phương D, phường Đ là do ông bà ngoại anh xây dựng năm nào ông không nhớ. Khi anh còn nhỏ thì đã ở với ông bà ngoại, dì Phạm Thị Thông và dì Phạm Thị L tại ngôi nhà này. Sau khi ông ngoại chết một thời gian thì dì T ra che một ngôi nhà nhỏ sát bên cạnh ở, còn anh và bà ngoại vẫn ở tại ngôi nhà này, khi bà ngoại chết thì anh vẫn tiếp tục ở cho đến nay để hương khói cho ông bà. Ngôi nhà này không có công trình phụ, năm 2020 anh có xây 01 móng gạch và khi ông tiến hành xây công trình phụ thì ông C ngăn cản không cho xây.

Anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của mẹ anh và không tranh chấp phần móng gạch do anh xây dựng, nếu phần đất có móng gạch giao cho ai thì anh không có ý kiến gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của vợ chồng cụ Phạm C, cụ Lương Thị B.

2. Xác định di sản thừa kế của vợ chồng cụ Phạm C và cụ Lương Thị B là quyền sử dụng đất có diện tích gồm 200m² đất ở và 301,8m² đất vườn (trong đó 203m² đất vườn theo định mức nhân khẩu (101,5m² x 2) và 98,8m² đất vườn) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu vực Bắc Phương D, phường Đ, thị xã A, tỉnh B.

3. Giao bà Phạm Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 112,4m² (trong đó có 50m² đất ở và 62,4m² đất vườn) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu vực Bắc Phương D, phường Đ, thị xã A, tỉnh B. Bà Hồng được sở hữu ngôi nhà do vợ chồng cụ C, cụ B xây dựng năm 1988 trên phần đất được giao. Phần đất giao cho bà H được ký hiệu B trên sơ đồ phân chia, trong đó có 45m² đất và 23,1 m² nhà nằm trong hành lang an toàn giao thông đường Đào Duy T, có giới cận: Đông giáp đường Đào Duy T, Tây giáp phần đất giao cho ông Phạm Văn C, Nam giáp nhà của bà Phạm Thị T, ông Huỳnh Văn T, Bắc giáp phần đất giao cho ông Phạm Văn C (Có sơ đồ phân chia kèm theo bản án sơ thẩm).

4. Giao bà Phạm Thị T được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 142,9m² (trong đó có 50m² đất ở và 92,9m² đất vườn) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu vực Bắc Phương D, phường Đ, thị xã A, tỉnh B. Trên phần đất giao cho bà T có ngôi nhà cấp 4 do bà Thông và ông T xây dựng. Phần đất giao cho bà T được ký hiệu C trên sơ đồ phân chia, trong đó có 53,6m² đất và 8,3m² nhà nằm trong hành lang an toàn giao thông, có giới cận: Đông giáp đường Đào Duy T, Tây giáp phần đất giao cho ông Phạm Văn C, Nam giáp thửa đất ODT 87, Bắc giáp nhà đất giao cho bà Phạm Thị H (Có sơ đồ phân chia kèm theo bản án sơ thẩm).

5. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm tháo dỡ chuồng bò có diện tích xây dựng 22,8m² để giao phần đất được chia cho bà Phạm Thị T sử dụng.

6. Giao ông Phạm Văn C được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 449,5m² (trong đó có 100m² đất ở và 349,5m² đất vườn) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực Bắc Phương D, phường Đ, thị xã A, tỉnh B. Ông C được sở hữu ngôi nhà do vợ chồng cụ C, cụ B xây dựng năm 1969 trên phần đất được giao. Phần đất giao cho ông C được ký hiệu A trên sơ đồ phân chia, trong đó có 11,9m² đất nằm trong hành lang an toàn giao đường Đào Duy T, có giới cận: Đông giáp đường Đào Duy T, có chiều dài 3m, Tây giáp thửa đất ODT 89 và thửa ODT 77, Nam giáp thửa đất ODT 87 và phần đất giao cho bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị T, Bắc giáp thửa đất ODT 78 và thửa đất ODT 79.

7. Buộc ông Phạm Văn C có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế và định mức đất vườn cho bà Phạm Thị L với số tiền là 830.850.000đ (Tám trăm ba mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

8. Buộc ông Phạm Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị T giá trị đất chênh lệch với số tiền là 252.150.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, quyền với nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26/4/2022, ông Phạm Văn C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn C, vì lý do đất cha mẹ để lại nên không chia thừa kế. Sửa [Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A](#) theo hướng giao phần đất vườn của bà H và bà T cho một bên sử dụng và thanh toán lại giá trị theo đúng tinh thần của Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn C, HĐXX thấy rằng: Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của vợ chồng cụ Phạm C và cụ Lương Thị B là có căn cứ, bởi lẽ: Các đồng thừa kế của vợ chồng cụ Phạm C và cụ Lương Thị B đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 có diện tích 606m² (trong đó 200m² đất ở và 406m² đất vườn) tọa lạc tại khu vực Bắc Phương D, phường Đ, thị xã A, tỉnh B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo biên bản xem xét thẩm

định tại chỗ kèm theo sơ đồ đo hiện trạng thửa đất ngày 22/12/2021 thì tổng diện tích đất đo đạc theo hiện trạng là 704,8m² (trong đó 200m² đất ở, 504,8m² đất vườn và có 110,5m² đất và 31,4m² nhà nằm trong hành lang an toàn giao thông), chênh lệch tăng so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 98,8m². Trên thửa đất này năm 1969 vợ chồng cụ Phạm C và cụ Lương Thị B đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 hiện vợ chồng ông C, bà T đang quản lý, sử dụng và vào năm 1988 các cụ xây dựng thêm 01 ngôi nhà cấp 4 hiện do anh Nguyễn Thế Q đang quản lý sử dụng, là tài sản của vợ chồng cụ Phạm C và cụ Lương Thị B tạo lập và được thừa hưởng từ ông bà để lại. Tuy nhiên, tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định số: 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thì hộ gia đình cụ Phạm C có 04 nhân khẩu là: Cụ Phạm C, cụ Lương Thị B, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị T nên theo quy định của pháp luật thì đất ở thuộc quyền sử dụng riêng của vợ chồng cụ C, cụ B, còn đất vườn thì thuộc quyền sử dụng chung theo định suất của cả 04 người trong hộ của cụ C. Vợ chồng cụ C và cụ B chết không để lại di chúc nên theo quy định của pháp luật thì những người được thừa kế đều có quyền yêu cầu chia di sản của các cụ. Ông Phạm Văn C lấy lý do trên mảnh đất mà gia đình ông sinh sống từ xưa tới nay là đất của ông bà, cha mẹ, là đất từ đường nơi thờ phụng tổ tiên và do ông quản lý duy trì theo di nguyện của ông bà tổ tiên để lại để không đồng ý chia thừa kế tài sản nêu trên là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên kháng cáo của ông Công không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Phạm Văn C được miễn nộp án phí.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Ý kiến về việc giải quyết vụ án là có một phần không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Phạm Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn C được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Thị Hoài Xuân

Võ Công Phương

